

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quốc Hưng.

2. Ông Võ Thành Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa –Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đào Thị Th, sinh năm: 1964. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Trần Th, sinh năm: 1965. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đào Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đào Thị Th và ông Trần Th có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 07/1992, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà Th và ông Th sống ly thân từ tháng 08/2011 cho đến nay. Nay bà Th xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Th không còn, nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông Th. Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Th và ông Th có hai người con

chung tên là Trần Thị D, sinh ngày 18/11/1993 và Trần Văn Đ, sinh ngày 01/01/2001, hiện nay D và Đ đã thành niên không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được, nên bà Th không có yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống bà Th và ông Th không có tài sản chung và nợ chung, nên bà Th không có yêu cầu gì.

Bị đơn là ông Trần Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, ông Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Th là bị đơn trong vụ án, ông Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

Đối với nguyên đơn Đào Thị Th, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Đào Thị Th và ông Trần Th là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 08/2011, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay ông bà không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của ông bà nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Th là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Th. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Th được ly hôn với ông Th.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Th và ông Th có hai người con chung tên là Trần Thị D, sinh ngày 18/11/1993 và Trần Văn Đ, sinh ngày 01/01/2001, hiện nay D và Đ đã thành niên không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được. Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2020,

các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Ông Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Th.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Đào Thị Th được ly hôn với ông Trần Th.

2. Về con chung: Con chung của bà Th và ông Th là Trần Thị D, sinh ngày 18/11/1993 và Trần Văn Đ, sinh ngày 01/01/200, hiện nay D và Đ đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được, bà Th không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng bà Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009790 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Trần Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đào Thị Th và ông Trần Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên